

# TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE QUANH RĂNG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Trịnh Hải Anh<sup>1,2</sup>, Trịnh Đình Hải<sup>1</sup>, Đỗ Thị Thu Hương<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Trong mấy thập niên qua, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước thì các hoạt động chăm sóc sức khỏe để nâng cao sức khỏe cho cộng đồng cũng được quan tâm, bao gồm cả các hoạt động chăm sóc răng miệng cho cộng đồng. Trong lĩnh vực răng hàm mặt, Có nhiều chương trình tuyên truyền chăm sóc răng miệng, phòng bệnh cho cộng đồng được triển khai, các sản phẩm chăm sóc răng miệng như kem chải răng, bàn chải, các loại nước súc miệng ... cũng phổ biến và dễ tiếp cận. Các thay đổi này có thể ảnh hưởng đến sức khỏe quanh răng cộng đồng. Qua nghiên cứu diễn biến sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng duyên hải Nam Trung Bộ (DHNTB) qua các thập niên từ 1999 đến 2019, chúng tôi rút ra được kết luận là: • Năm 1999, tỷ lệ người trưởng thành có viêm lợi hoặc viêm quanh răng ở mức cao trên 97%. Số trung bình vùng lục phân có túi quanh răng gia tăng theo tuổi. Tỷ lệ người có 3 vùng lục phân lành mạnh trở nên ở mức thấp và không vượt quá 8,7%. Có một tỷ lệ đáng kể người trưởng thành không có thói quen đánh răng. • Năm 2019, tỷ lệ người có chảy máu lợi ở mức từ 35,5% đến 49,7%, tăng theo lứa tuổi. Tỷ lệ người có chảy máu lợi giảm dần theo tuổi. Tỷ lệ người không có túi lợi từ 88,2% đến 97 0% tùy theo nhóm tuổi. Tỷ lệ người có túi lợi giảm xuống theo tuổi. Tỷ lệ người có 3 vùng lục phân trở lên không có túi quanh răng từ 66,7% đến 100%, và tỷ lệ này giảm dần theo tuổi. • So sánh sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành ở đây sau hai thập niên cho thấy có sự cải thiện đáng kể tỷ lệ người có mô quanh răng lành mạnh tăng lên. Số trung bình vùng lục phân có túi lợi giảm xuống.

## ABSTRACT

### PERIODONTAL HEALTH STATUS OF ADULTS IN THE SOUTH CENTRAL COAST REGION, VIET NAM

Over the past few decades, along with the socio-economic development of the country, health care activities to improve the health of the community have also received attention, including oral care activities for the community. In the field of dentistry, many oral care and disease prevention programs for the community have been implemented, and oral care

products such as toothpaste, toothbrushes, mouthwashes, etc., have become popular and easily accessible. These changes may affect the periodontal health of the community. Through studying the trends in periodontal health of adult populations in the South Central Coast region, Viet Nam over the decades from 1999 to 2019, we conclude that: • In 1999, the rate of adults with gingivitis or periodontitis was high, above 97%. The average number with periodontal pockets in the sextant increased with age. • The proportion of people with three or more healthy sextants is low and does not exceed 8.7%. A significant proportion of adults do not brush their teeth. • In 2019, the proportion of people with bleeding gums ranged from 35.5% to 49.7%, increasing with age. The proportion of people with bleeding gums gradually decreased with age. The proportion of people without periodontal pockets ranged from 88.2% to 97.0% depending on age group. The proportion of people with periodontal pockets decreased with age. The proportion of people with three or more sextants without periodontal pockets ranged from 66.7% to 100%, and this proportion gradually decreased with age. • A comparison of the periodontal health of the adult community here after two decades shows a significant improvement in the proportion of people with healthy periodontal tissue, which increased. The average number of sextants with periodontal pockets decreased.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tình trạng sức khỏe quanh răng cộng đồng liên quan mật thiết đến các hoạt động chăm sóc và dự phòng các bệnh răng miệng cho cộng đồng. Trong mấy thập niên qua cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội, thì các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng được quan tâm, trong đó có các chương trình chăm sóc răng miệng cho cộng đồng. Các sản phẩm chăm sóc răng miệng như kem đánh răng, bàn chải răng sẵn có trên thị trường và không khó để tiếp cận. Cùng với đó là các hoạt động tuyên truyền chăm sóc răng miệng, chải răng ... trên các phương tiện truyền thông. Vì vậy, tình trạng sức khỏe quanh răng cộng đồng có thể được cải thiện. Để biết được diễn biến sức khỏe quanh răng trên cộng đồng người trưởng thành vùng duyên hải nam trung bộ (DHNTB) trong mấy thập niên qua. Chúng tôi nghiên cứu phân tích về thực trạng sức khỏe quanh răng cộng đồng ở đây để làm cơ sở cho các hoạt động chăm sóc dự phòng các bệnh ra miệng cho trẻ em và cộng đồng ở đây.

<sup>1</sup> Khoa Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN

<sup>2</sup> Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Thị Thu Hương

Email: huong131089@gmail.com

Ngày nhận bài: 5.2.2026

Ngày phản biện khoa học: 5.3.2026

Ngày duyệt bài: 9.4.2026

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Chúng tôi phân tích các dữ liệu sức khỏe quanh răng cộng đồng vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (DHNTB) từ kết quả các lần điều tra sức khỏe răng miệng trong mấy thập niên qua. So sánh tình trạng sức khỏe quanh răng cộng đồng ở đây để có được bức tranh toàn cảnh về thực trạng và diễn biến sức khỏe quanh răng cộng đồng vùng DHNTB trong mấy thập niên qua.

## III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Do hai lần điều tra sức khỏe quanh răng cộng đồng trong hai thập niên sử dụng các chỉ số khác nhau, vì vậy chúng tôi không thể so sánh các kết quả điều tra từng cặp trực tiếp trong cùng một bảng số liệu, nên chúng tôi trình bày các kết quả theo hai lần điều tra cách nhau hai thập niên. Qua phân tích đối chiếu vẫn có thể đánh giá được diễn biến sức khỏe quanh răng cộng đồng ở đây.

### 1. Sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng DHNTB năm 1999

Các số liệu về sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng DHNTB năm 1999 được trình bày trong các bảng 1, 2, 3 và 4.

**Bảng 1: Tỷ lệ người có 3 vùng lục phân lành mạnh trở lên ở vùng DHNTB năm 1999**

Tuổi	n	Có (%)	Không (%)
18-34	259	8,7	91,3
35-44	334	0	100
≥ 45	251	7,5	92,5

**Bảng 3: Số trung bình vùng lục phân cho từng mức độ sức khỏe quanh răng cộng đồng vùng DHNTB năm 1999**

Tuổi	N	CPI 0 (vùng)	CPI 1 (vùng)	CPI 2 (vùng)	CPI 3 (vùng)	CPI 4 (vùng)	Loại trừ (%)
18-34	259	0,79	0,23	4,17	0,38	0,06	0,37
35-44	334	0,08	0,70	2,40	0,19	0,02	2,61
≥ 45	251	0,54	0,05	2,93	0,48	0,09	1,91

Kết quả ở bảng 3 cho thấy số trung bình vùng lục phân có mô quanh răng lành mạnh không bị viêm ở mức thấp, Không quá 0,79 vùng cho cả ba nhóm tuổi.

**Bảng 4: Tỷ lệ người chải răng ở vùng DHNTB năm 1999**

Tuổi	n	Chải răng hàng ngày (%)	Sử dụng kem hàng ngày (%)
18-34	99	100,0	100,0
35-44	92	97,2	97,6
≥ 45	97	73,0	85,4

Kết quả ở bảng 4 cho thấy có một tỷ lệ người trưởng thành không chải răng. Đặc biệt, người từ 45 tuổi trở lên có tới 27% người không chải răng.

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy người trưởng thành vùng DHNTB có mô quanh răng lành mạnh ở 3 vùng lục phân trở lên rất thấp, ở mức dưới 8,7% cho cả ba nhóm tuổi. Mỗi cá thể có sức khỏe quanh răng tốt ở từ 3 vùng lục phân trong 6 vùng trở lên thì được xem là có thể chấp nhận được. Như vậy, có từ 91,3% trở lên người trưởng thành ở đây có sức khỏe quanh răng kém.

**Bảng 2: Tỷ lệ người có chỉ số CPI nặng nhất vùng DHNTB năm 1999**

Tuổi	N	CPI 0 (%)	CPI 1 (%)	CPI 2 (%)	CPI 3 (%)	CPI 4 (%)	Mất răng toàn bộ (%)
18-34	259	0,0	0,6	79,7	16,3	3,5	0,0
35-44	334	0,0	7,1	75,1	11,4	1,4	4,3
≥ 45	251	2,2	1,1	6,3	23,7	6,5	5,4

Kết quả ở bảng 2 cho thấy tỉ lệ người có CPI = 0 ở mức từ 2,2% trở xuống cho cả 3 nhóm tuổi. CPI =0 tương ứng người có mô quanh răng khỏe mạnh. Như vậy hầu hết người trưởng thành vùng DHNTB có vấn đề về sức khỏe quanh răng hoặc là viêm lợi hoặc là có túi quanh răng. Điều đáng quan tâm là 19,8% người nhóm tuổi 18 đến 33 có túi lợi nông (CPI 3) hoặc túi lợi sâu (CPI 4), người từ 45 tuổi trở lên có 30,2% người có túi lợi nông hoặc sâu. Răng có túi lợi, nếu không được điều trị thì dễ dẫn tới mất răng.

### 2. Sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng DHNTB Năm 2019

Sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng DHNTB được trình bày bằng các bảng 5, 6, 7, 8.

**Bảng 5: Tỷ lệ người trưởng thành có chảy máu lợi vùng DHNTB năm 2019**

Tuổi	n	Tỷ lệ chảy máu lợi (%)
18-34	99	49,7
35-44	104	52,0
45-64	72	48,3
≥ 65	18	35,3

Kết quả ở bảng 5 cho thấy tỉ lệ người trưởng thành vùng DHNTB có chảy máu lợi ở mức từ 35,3% đến 52%, tùy theo lứa tuổi. Nhóm tuổi 35 đến 44 có tỉ lệ chảy máu lợi cao nhất.

**Bảng 6: Tỷ lệ người có tủy lợi**

Tuổi	Không có tủy lợi		Tủy lợi nông		Tủy lợi sâu		Mất răng toàn bộ	
	n	%	n	%	n	%	n	%
18-34	193	97,0	6	3,0	0	0,0	0	0,0
35-44	195	97,5	5	2,5	0	0,0	0	0,0
45-64	127	85,2	18	12,1	3	2,0	1	0,7
≥ 65	45	88,2	5	9,8	0	0,0	1	2,0

Kết quả ở bảng 6 cho thấy có từ 88,2 đến 97,5% người trưởng thành vùng DHNTB không có tủy lợi và tăng theo nhóm tuổi. Hai nhóm tuổi trẻ hơn có tỷ lệ cao hơn người không có tủy lợi. Hai nhóm tuổi cao hơn có tỉ lệ đáng kể người có tủy lợi hoặc mất răng toàn bộ. Nhóm người từ 45-64 tuổi có 14,8% người có tủy lợi hoặc mất răng toàn bộ.

**Bảng 7: Tỷ lệ người có từ ba vùng lục phân không có tủy quanh răng vùng DHNTB năm 2019**

Tuổi	n	Có (%)
18-34	199	100
35-44	192	96,0
45-64	130	87,2
≥ 65	34	66,7

Kết quả ở bảng 7 cho thấy toàn bộ 100% người lứa tuổi 18 - 34 có đủ 3 vùng lục phân trở lên không có tủy quanh răng. Từ lứa tuổi trung niên trở lên tỷ lệ người có đủ ba vùng lục phân không có tủy quanh răng giảm dần theo nhóm tuổi. Ở nhóm người từ 65 tuổi trở lên thì tỉ lệ này còn 66,7%, có nghĩa là gần 34% người có tủy quanh răng.

**Bảng 8: Số trung bình vùng lục phân có tủy quanh răng ở người trưởng thành vùng DHNTB năm 2019**

Tuổi	n	Không có tủy quanh răng	Tủy quanh răng nông	Tủy quanh răng nông	Loại trừ
18-34	199	5,90	0,03	0	0,07
35-44	200	5,55	0,04	0	0,41
45-64	199	4,81	0,20	0,02	0,97
≥ 65	51	3,73	0,12	0	2,15

Kết quả ở bảng 8 cho thấy số trung bình vùng lục phân không có tủy quanh răng giảm dần theo nhóm tuổi. Ở nhóm tuổi từ 65 trở lên chỉ có 3,73% người có từ ba vùng lục phân trở lên không có tủy quanh răng. Như vậy sức khỏe mô quanh răng giảm dần theo tuổi.

So sánh tình trạng sức khỏe quang răng cộng đồng ở người trưởng thành vùng DHNTB thấy rằng sau hai thập niên tình trạng tốt hơn. Sau hai thập niên, tỷ lệ người trưởng thành có bệnh lý mô quanh răng giảm xuống, và tỉ lệ người không có tủy quanh răng tăng lên. Cũng sau hai thập niên, số trung bình vùng lục phân không có tủy quanh răng cũng tăng lên. Các số liệu này thể hiện sức khỏe quang răng ở cộng đồng vùng DHNTB đã được cải thiện đáng kể.

**IV. KẾT LUẬN**

Qua phân tích các số liệu về tình trạng sức khỏe quang răng cộng đồng vùng duyên hải Nam Trung Bộ trong hai thập niên từ 1999 đến 2019 chúng tôi rút ra kết luận là:

- Năm 1999, tỷ lệ người trưởng thành có viêm lợi hoặc viêm quanh răng ở mức cao trên 97%. Số trung bình vùng lục phân có tủy quanh răng gia tăng theo tuổi. Tỷ lệ người có 3 vùng lục phân lành mạnh trở nên ở mức thấp và không vượt quá 8,7%. Có một tỷ lệ đáng kể người trưởng thành không có thói quen đánh răng.

- Năm 2019, tỷ lệ người có chảy máu lợi ở mức từ 35,3% đến 49,7%, tùy theo lứa tuổi. Tỷ lệ người có chảy máu lợi giảm dần theo tuổi. Tỷ lệ người không có tủy lợi từ 88,2% đến 97,0% tùy theo nhóm tuổi. Tỷ lệ người có 3 vùng lục phân trở lên không có tủy quanh răng từ 66,7% đến 100%, và tỷ lệ này giảm dần theo tuổi.

- So sánh sức khỏe quang răng cộng đồng người trưởng thành ở đây sau hai thập niên cho thấy có sự cải thiện đáng kể, tỷ lệ người có mô quanh răng lành mạnh tăng lên. Số trung bình vùng lục phân có tủy lợi giảm xuống.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. **Trình Hải Anh, Chu Thị Quỳnh Hương, Đinh Diệu Hồng và cộng sự.** Khảo sát lợi dính ở nam giới trưởng thành. Tạp chí Y học Việt Nam, Số 2, tháng 3. Hà Nội, 2025.
2. **Trình Đình Hải.** Bệnh học quang răng. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013.
3. **Trình Đình Hải, Nguyễn Thị Hồng Minh, Trần Cao Bính.** National Oral Health Survey of Vietnam 2019. Medical publishing house. Hanoi 2019.
4. **Maria E. Itoiz, Fermin A. Carranza.** Clinical periodontology. Philadelphia, 2019.